

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Phương án Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-BKHDT ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ký quyết định ban hành phương án điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 613/QĐ-TCTK ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2024 của Tổng cục Thống kê;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 2. Giao Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê chủ trì, phối hợp với Vụ Thống kê Dân số và Lao động, Vụ Thống kê Xã hội

và Môi trường, Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng và các đơn vị liên quan của Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức thực hiện điều tra đúng Phương án quy định.

Điều 3. Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Vụ trưởng Vụ Thống kê Dân số và Lao động, Vụ trưởng Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê, Vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Chánh văn phòng Tổng cục, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các đơn vị liên quan của Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để báo cáo);
- Các Bộ: Công an; Y tế; Tư pháp; Xây dựng; Lao động-Thương binh và Xã hội (để phối hợp thực hiện);
- Lãnh đạo Tổng cục Thống kê;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: VT, TTDL (10).

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hương

PHƯƠNG ÁN
ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: 629/QĐ-TCTK ngày 14 tháng 7 năm 2023
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích

Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 (viết gọn là Điều tra DSGK 2024) được thực hiện nhằm các mục đích sau:

- Thu thập thông tin về dân số và nhà ở làm cơ sở để đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021 - 2025; xây dựng chính sách, lập kế hoạch dân số và nhà ở phục vụ lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2026 - 2030; giám sát thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên hợp quốc mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết.

- Cung cấp số liệu về quy mô dân số đến cấp huyện 5 năm sau Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (viết gọn là Tổng điều tra 2019); làm cơ sở rà soát, hiệu chỉnh số liệu dân số hàng năm giai đoạn 2020 - 2024; cập nhật kho dữ liệu dân số và nhà ở do Tổng cục Thống kê quản lý phục vụ nghiên cứu, phân tích và dự báo quá trình phát triển dân số và nhà ở giữa hai kỳ tổng điều tra trên phạm vi cả nước và từng địa phương; đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế.

2. Yêu cầu điều tra

- Thực hiện điều tra đúng các nội dung quy định trong Phương án.

- Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê.

- Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

- Kết quả điều tra phải đáp ứng yêu cầu thông tin liên quan đến dân số của các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (đối với các chỉ tiêu dân số phân tổ đến cấp tỉnh, cấp huyện); đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

Điều tra DSGK 2024 được thực hiện trên phạm vi cả nước tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (tỉnh, thành phố), gồm tất cả các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (huyện) ngoại trừ 4 huyện đảo nhỏ¹.

2. Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra của Điều tra DSGK 2024 bao gồm:

- Hộ dân cư (bao gồm cả thông tin về nhà ở của hộ).
- Nhân khẩu thực tế thường trú của hộ dân cư (bao gồm cả những người thuộc lực lượng vũ trang, người có quốc tịch nước ngoài hiện đang ăn, ngủ tại hộ), không bao gồm những người đang sống trong khu vực quản lý riêng của quân đội và công an.

3. Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra của Điều tra DSGK 2024 là hộ dân cư (viết gọn là hộ). Hộ bao gồm một người ăn riêng, ở riêng hoặc một nhóm người ở chung và ăn chung. Đối với hộ có từ 02 người trở lên, các thành viên trong hộ có thể có hoặc không có quan hệ ruột thịt, hôn nhân, nuôi dưỡng; có hoặc không có quỹ thu - chi chung.

III. LOẠI ĐIỀU TRA

Điều tra DSGK 2024 là cuộc điều tra chọn mẫu, mẫu được thiết kế đảm bảo mức độ đại diện đến cấp huyện đối với chỉ tiêu về quy mô dân số và cấp tính đối với các chỉ tiêu còn lại.

Điều tra DSGK 2024 sử dụng dàn mẫu tổng thể của Tổng điều tra 2019 làm dàn chọn mẫu.

Phương pháp chọn mẫu được quy định tại Phụ lục I.

IV. THỜI ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Thời điểm điều tra

Thời điểm điều tra: 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2024.

2. Thời gian thu thập thông tin

Thời gian thu thập thông tin trong Điều tra DSGK 2024 bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2024 đến ngày 30 tháng 4 năm 2024.

¹ Bốn huyện đảo nhỏ không bao gồm trong Điều tra DSGK 2024 là: Bạch Long Vỹ, thành phố Hải Phòng; Côn Cò, tỉnh Quảng Trị; Hoàng Sa, thành phố Đà Nẵng; Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa.

3. Phương pháp thu thập thông tin

Điều tra DSGK 2024 áp dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp. Điều tra viên (ĐTV) đến từng hộ để hỏi người cung cấp thông tin và ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điều tra điện tử được thiết kế trên thiết bị di động thông minh (CAPI).

Một số trường hợp đặc biệt, đối với những đối tượng điều tra không thể tiếp cận trực tiếp hoặc tiếp cận nhiều lần không được, Cục trưởng Cục Thống kê quyết định lựa chọn phương pháp thu thập thông tin phù hợp bằng cách gửi mẫu phiếu giấy hoặc phiếu điện tử (CAPI hoặc Webform) để đối tượng điều tra tự cung cấp thông tin.

4. Người cung cấp thông tin

Chủ hộ (hoặc người trưởng thành am hiểu về các thành viên trong hộ khi chủ hộ đi vắng) là người cung cấp thông tin của hộ và thành viên hộ. Đối với những thông tin về thành viên hộ mà chủ hộ không nắm chắc, ĐTV gặp và phỏng vấn trực tiếp thành viên hộ thu thập thông tin.

Khi thu thập thông tin về nhà ở, điều tra viên hỏi chủ hộ (hoặc người cung cấp thông tin) kết hợp với quan sát trực tiếp ngôi nhà hoặc căn hộ để ghi kết quả vào phiếu điều tra.

Thông tin về lịch sử sinh phải hỏi trực tiếp đối tượng điều tra là nữ từ 10 - 49 tuổi.

Đối với những người tạm vắng trong suốt thời gian điều tra, điều tra viên có thể hỏi những người khác trong hộ, hoặc dựa vào những tài liệu do người thân hoặc chính quyền cung cấp để ghi thông tin vào phiếu điều tra.

V. NỘI DUNG VÀ PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

Điều tra DSGK 2024 thu thập thông tin về các nội dung chính sau:

- Thông tin về nhân khẩu học của các thành viên hộ;
- Thông tin về di cư;
- Thông tin về giáo dục;
- Thông tin về hôn nhân;
- Thông tin về lịch sử sinh của nữ từ 10 - 49 tuổi;
- Thông tin về người chết của hộ;
- Thông tin về nhà ở và điều kiện sống của hộ.

2. Phiếu điều tra

Điều tra DSGK 2024 sử dụng 03 loại phiếu để thu thập thông tin phục vụ lập bảng kê hộ dân cư và thu thập thông tin phục vụ tổng hợp các chỉ tiêu, cụ thể như sau:

- Phiếu 01/DSGK-BK: Thu thập các thông tin phục vụ lập bảng kê hộ dân cư.
- Phiếu 02/DSGK-PN: Thu thập thông tin nhân khẩu học và di cư của dân số, thông tin về người chết trong vòng 5 năm và nhà ở của hộ.
- Phiếu 03/DSGK-PD: Ngoài các thông tin như Phiếu 02/DSGK-PN, bổ sung thu thập các thông tin về tình trạng hôn nhân, giáo dục của thành viên hộ; lịch sử sinh của nữ từ 10-49 tuổi, thông tin về nhà ở và điều kiện sống của hộ.

Mẫu phiếu quy định tại Phụ lục II.

VI. PHÂN LOẠI THÔNG KÊ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

Điều tra DSGK 2024 sử dụng các danh mục và bảng phân loại thông kê như sau:

1. Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi đã được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm điều tra;
2. Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam ban hành theo Quyết định số 121-TCTK/PPCD ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;
3. Danh mục giáo dục, đào tạo của Hệ thống giáo dục quốc dân ban hành theo Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ;
4. Danh mục các tôn giáo được Nhà nước Việt Nam công nhận và cấp đăng ký hoạt động đến thời điểm điều tra;
5. Danh mục quốc gia và vùng lãnh thổ;
6. Bảng chuyển đổi năm âm lịch sang năm dương lịch;
7. Bảng chuyển đổi trình độ văn hoá phổ thông.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ BIỂU ĐÀU RA CỦA ĐIỀU TRA

1. Quy trình xử lý thông tin

- Thông tin trên phiếu điện tử được điều tra viên (ĐTV) hoàn thành và gửi về máy chủ của Tổng cục Thống kê. Tại đây, dữ liệu được giám sát viên cấp huyện, tỉnh và trung ương kiểm tra, duyệt và nghiệm thu.

- Dữ liệu được kiểm tra, nghiệm thu (duyet) bởi các giám sát viên (viết tắt là GSV) huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (viết gọn là GSV cấp huyện), GSV cấp tỉnh và GSV cấp trung ương.

- Dữ liệu sau khi làm sạch được tích hợp với các nguồn dữ liệu hành chính (dữ liệu xuất nhập cảnh, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư,...) của các bộ, ngành liên quan phục vụ việc biên soạn các chỉ tiêu thống kê thuộc phạm vi thu thập thông tin của cuộc điều tra.

2. Tổng hợp kết quả điều tra

Kết quả điều tra được tổng hợp theo mẫu biểu phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê được phân công theo chức năng nhiệm vụ của các đơn vị.

Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê (Cục TTDL) chủ trì xây dựng phần mềm, công cụ để tổng hợp các chỉ tiêu theo mẫu biểu.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA²

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Thành lập Tổ công tác tại trung ương và địa phương	Tháng 6-10/2023	Vụ Tổ chức cán bộ, CTK	Cục TTDL, Đơn vị liên quan
2	Xây dựng Phương án điều tra	Tháng 6-7/2023	Cục TTDL	Vụ DSLĐ, Vụ PPCĐ, Đơn vị liên quan
3	Thiết kế và hoàn thiện phiếu điều tra	Tháng 6-7/2023	Cục TTDL	Vụ: DSLĐ, XHMT, CNXD
4	Xây dựng và hoàn thiện các loại tài liệu hướng dẫn	Tháng 8-12/2023	Cục TTDL	Vụ: DSLĐ, XHMT, CNXD
5	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả điều tra	Tháng 7-10/2023	Vụ: DSLĐ, XHMT, CNXD	Cục TTDL
6	Chọn mẫu địa bàn điều tra	Tháng 7-12/2023	Cục TTDL	Vụ DSLĐ, CTK
7	Xây dựng và hoàn thiện các chương trình phần mềm	Tháng 8/2023-02/2024	Cục TTDL	Vụ DSLĐ; CTK, Đơn vị liên quan
8	In tài liệu	Tháng 11/2023-3/2024	Cục TTDL, CTK	Đơn vị liên quan
9	Tập huấn cấp trung ương	Tháng 12/2023-01/2024	Cục TTDL	CTK, Đơn vị liên quan

²Các chữ viết tắt trong bảng: Cục TTDL: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê; VPTC: Văn phòng Tổng cục; Vụ PPCĐ: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê; Vụ PCTT: Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê; CSSK: Tạp chí Con số và Sự kiện; CTK: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chi CTK: Chi Cục Thống kê huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
10	Tập huấn công tác cập nhật địa bàn, lập bảng kê cấp tỉnh, cấp huyện	Tháng 01/2024	CTK	Cục TTDL, CCTK
11	Tập huấn nghiệp vụ và công nghệ thông tin cấp tỉnh, cấp huyện	Tháng 02-3/2024	Cục TTDL, CTK	Vụ DSLĐ, VPTC, Chi CTK, Đơn vị liên quan
12	Cập nhật sơ đồ nền xã phường	Tháng 01-02/2024	CTK	Cục TTDL, Đơn vị liên quan
13	Cập nhật địa bàn điều tra	Tháng 01-02/2024	CTK	Cục TTDL, Đơn vị liên quan
14	Lập bảng kê	Tháng 02-3/2024	CTK	Cục TTDL, Đơn vị liên quan
15	Chọn hộ điều tra	Tháng 3/2024	CTK	Cục TTDL, Đơn vị liên quan
16	Tuyên truyền	Tháng 3-4/2024	Vụ PCTT, CTK	Cục TTDL, CTK, CSSK, Đơn vị liên quan
17	Thu thập thông tin	Tháng 4/2024	CTK	Cục TTDL, Đơn vị liên quan
18	Kiểm tra, giám sát và nghiệm thu dữ liệu điều tra	Tháng 4-6/2024	Cục TTDL	Vụ DSLĐ, CTK, Đơn vị liên quan
19	Xử lý, tổng hợp kết quả điều tra	Tháng 7-12/2024	Cục TTDL	Vụ DSLĐ, Đơn vị liên quan
20	Biên soạn báo cáo kết quả chủ yếu của cuộc điều tra	Tháng 9-11/2024	Vụ DSLĐ	Cục TTDL, Đơn vị liên quan
21	Chuẩn bị công bố kết quả điều tra	Tháng 12/2024	Vụ DSLĐ	Cục TTDL, Đơn vị liên quan
22	Xây dựng và hoàn thiện phần mềm khai thác và công bố dữ liệu	Tháng 11/2023-12/2024	Cục TTDL	Vụ DSLĐ

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
23	Biên soạn các báo cáo phân tích chuyên sâu của cuộc điều tra	Tháng 01-08/2025	Vụ DSLĐ	Cục TTDL, Đơn vị liên quan
24	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về dân số từ các nguồn dữ liệu điều tra và hành chính (gồm cơ sở dữ liệu bản đồ số về phân bố dân cư)	Tháng 6-12/2024	Cục TTDL	Vụ DSLĐ, Đơn vị liên quan

IX. TỔ CHỨC ĐIỀU TRA

1. Công tác chuẩn bị

a. Thành lập Tổ Công tác cấp trung ương và cấp tỉnh

Bộ kế hoạch và Đầu tư thành lập Tổ Công tác cấp trung ương bao gồm thành viên là Lãnh đạo Tổng cục Thống kê, Thủ trưởng các đơn vị liên quan của Tổng cục Thống kê; đại diện các Bộ, ngành. Tổ Công tác cấp trung ương có trách nhiệm giúp Tổng cục trưởng chỉ đạo thực hiện cuộc điều tra trên phạm vi cả nước.

Cục Thống kê tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thành lập Tổ Công tác cấp tỉnh bao gồm thành viên là Cục trưởng Cục Thống kê, Lãnh đạo Cục Thống kê và Lãnh đạo các đơn vị liên quan của Cục Thống kê; đại diện các Sở, ban, ngành liên quan (trong đó có đại diện của cơ quan Công an). Tổ Công tác cấp tỉnh chịu sự điều hành trực tiếp của Tổ trưởng Tổ công tác và chịu sự giám sát của Tổ Công tác cấp trung ương.

b. Thiết kế, phân bổ và chọn mẫu điều tra

Cục TTDL chủ trì, phối hợp với Vụ Thống kê Dân số và Lao động (Vụ DSLĐ) nghiên cứu thiết kế mẫu, phân bổ mẫu và chọn mẫu đảm bảo thực hiện đầy đủ các mục đích của cuộc điều tra.

c. Cập nhật sơ đồ nền, cập nhật địa bàn và lập bảng kê

Cục TTDL hướng dẫn chi tiết công tác cập nhật sơ đồ nền xã/phường/thị trấn; cập nhật địa bàn điều tra và lập bảng kê.

Cục Thống kê chỉ đạo thực hiện công tác cập nhật sơ đồ nền xã/phường/thị trấn; cập nhật địa bàn điều tra và lập bảng kê đảm bảo thu thập đầy đủ thông tin về số nhà, số hộ, số người phục vụ công tác thu thập thông tin và suy rộng kết quả điều tra.

d. Tuyển chọn lực lượng tham gia điều tra

Lực lượng tham gia điều tra gồm: người cập nhật sơ đồ nền, người cập nhật địa bàn, người lập bảng kê, ĐTV, giám sát viên (GSV) các cấp.

Cục Thống kê chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ tuyển chọn người cập nhật sơ đồ nền, người cập nhật địa bàn, người lập bảng kê, ĐTV, GSV cấp tỉnh, cấp huyện.

***) Người cập nhật sơ đồ nền, cập nhật địa bàn và lập bảng kê:** Là người tại địa phương, am hiểu về địa bàn và có khả năng tiếp cận với hộ để lập bảng kê. Khối lượng trung bình như sau: xã có từ 1-3 địa bàn điều tra (ĐBĐT): 01 người; xã có từ 4-6 ĐBĐT: 02 người; xã có từ 7-10 ĐBĐT: 03 người; xã có trên 10 ĐBĐT: 4 người.

****) Điều tra viên:***

Tuyển chọn ĐTV phải chọn những người có tinh thần trách nhiệm cao, có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở lên (những nơi khó khăn, có thể lấy người có trình độ trung học cơ sở), khuyến khích chọn ĐTV là nữ, ưu tiên tuyển chọn ĐTV đã tham gia các cuộc điều tra thống kê gần đây. Để ngăn ngừa hiện tượng sao chép từ sổ sách địa phương vào phiếu điều tra, không nên sử dụng cán bộ đang quản lý tài liệu đăng ký hộ khẩu, hộ tịch, ghi chép ban đầu về dân số hoặc chuyên trách công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình làm ĐTV. Trong trường hợp đặc thù phải tuyển chọn ĐTV từ nơi khác đến, Cục Thống kê phải thuê người sở tại thông thạo địa bàn để dẫn đường giúp ĐTV tiếp cận các hộ điều tra. Tại các địa bàn vùng cao, vùng sâu, vùng xa có người dân tộc không nói được tiếng phổ thông thì phải thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch để giúp ĐTV. Trung bình: 01 ĐTV/3 ĐBĐT.

Trường hợp cần thiết, Cục trưởng Cục Thống kê quyết định tuyển chọn người lập bảng kê và ĐTV phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, dự toán được giao và các quy định tài chính hiện hành.

****) Giám sát viên:***

- GSV cấp tỉnh, cấp huyện: Cục Thống kê chủ động tuyển chọn và phân công công chức thống kê và các đơn vị liên quan đảm bảo thực hiện nhiệm vụ và phù hợp với kinh phí được giao.

- GSV cấp trung ương: Là các công chức, viên chức thuộc các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê và các bộ, ngành liên quan tham gia Điều tra DSGK 2024.

d. Tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm

Tập huấn nghiệp vụ điều tra thực hiện ở 03 cấp: Cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện.

- Cấp trung ương: Tổng cục Thống kê tổ chức các hội nghị tập huấn cho giám sát viên cấp trung ương, lãnh đạo Cục Thống kê cấp tỉnh và giảng viên cấp tỉnh. Cụ thể như sau: tập huấn triển khai Phương án điều tra, hướng dẫn cập nhật sơ đồ nền, cập nhật địa bàn và lập bảng kê, thời gian: 01 ngày; tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng thiết bị và phần mềm, thời gian: 02 ngày.

- Cấp tỉnh: Cục Thống kê tổ chức các hội nghị tập huấn cho giám sát viên cấp tỉnh, lãnh đạo Chi Cục Thống kê cấp huyện và giảng viên cấp huyện. Cụ thể như sau: tập huấn triển khai Phương án điều tra, hướng dẫn cập nhật sơ đồ nền, cập nhật địa bàn và lập bảng kê, thời gian: 01 ngày; tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng thiết bị và phần mềm, thời gian: 02 ngày.

- Cấp huyện: Tùy theo tình hình thực tế tại địa phương, Cục trưởng Cục Thống kê quyết định Cục Thống kê cấp tỉnh hoặc Chi cục Thống kê huyện tổ chức 02 lớp tập huấn theo huyện hoặc cụm huyện. Trung bình mỗi lớp tập huấn khoảng 60 đại biểu. Cụ thể: tập huấn công tác hướng dẫn cập nhật sơ đồ nền, cập nhật địa bàn và lập bảng kê, thời gian: 01 ngày; tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng thiết bị và phần mềm, thời gian: 02 ngày.

e. Tài liệu điều tra

Tài liệu điều tra bao gồm các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ và sử dụng phần mềm do Tổng cục Thống kê biên soạn; Cục Thống kê cấp tỉnh chủ động in và phân phối tại địa phương bảo đảm đủ, đúng thời gian quy định.

g. Chương trình phần mềm

Chương trình phần mềm ứng dụng trong Điều tra DSGK 2024 do Cục TTDL chủ trì thực hiện bao gồm:

- Chương trình xây dựng cơ sở dữ liệu địa bàn điều tra.
- Chương trình thu thập thông tin: Phần mềm thu thập thông tin của các loại phiếu điều tra, chương trình chọn mẫu, chương trình quản lý giám sát, kiểm tra và duyệt phiếu điều tra điện tử, chương trình tổng hợp kết quả điều tra được thực hiện trên Trang Web điều hành tác nghiệp cho các cấp GSV...
- Chương trình khai thác, công bố kết quả.
- Chương trình xây dựng cơ sở dữ liệu về dân số.

2. Công tác điều tra thực địa

Cục Thống kê chỉ đạo Chi Cục Thống kê huyện tổ chức điều tra tại các địa bàn điều tra được chọn, bảo đảm việc thu thập thông tin thực hiện tại đúng hộ được chọn điều tra, đạt yêu cầu chất lượng và thời hạn quy định. Điều tra viên thực hiện thu thập thông tin và hoàn thiện phiếu điện tử.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các khâu của cuộc điều tra. Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm: Kiểm tra, giám sát việc tổ chức các lớp tập huấn, thu thập thông tin của đơn vị điều tra, số lượng và chất lượng thông tin do đơn vị cung cấp,...

Hình thức kiểm tra, giám sát: Kiểm tra, giám sát trực tiếp công tác tập huấn và thu thập thông tin tại địa bàn; kiểm tra, giám sát trực tuyến trên Trang Web điều hành tác nghiệp.

Để bảo đảm chất lượng thông tin thu thập, công tác kiểm tra giám sát chất lượng phiếu điều tra được thực hiện ngay trong quá trình thu thập thông tin, GSV thường xuyên kiểm tra dữ liệu trên chương trình phần mềm và thông báo đề nghị ĐTV xác minh hoàn thiện phiếu điều tra.

4. Nghiệm thu và xử lý thông tin

a. Nghiệm thu phiếu điều tra

- Cục TTDL chủ trì nghiệm thu dữ liệu điều tra trên phạm vi cả nước.
- Cục Thống kê chủ trì nghiệm thu dữ liệu điều tra trên phạm vi tỉnh, thành phố.

b. Xử lý thông tin

Cục TTDL chủ trì phối hợp với Vụ DSLĐ và Cục Thống kê thực hiện kiểm tra, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu điều tra phục vụ tổng hợp và phân tích kết quả điều tra; thực hiện tính quyền số và tổng hợp kết quả đầu ra theo mẫu biểu do Vụ DSLĐ thiết kế.

5. Tổ chức thực hiện

a. Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

Chủ trì, phối hợp với Vụ DSLĐ và các đơn vị liên quan xây dựng phương án điều tra; xây dựng phần mềm điều tra, xử lý kết quả điều tra; trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, giám sát điều tra ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được chọn điều tra; nghiệm thu, làm sạch dữ liệu và tổng hợp kết quả cuộc điều tra.

b. Vụ Thống kê Dân số và Lao động

Chủ trì xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra, kiểm tra hệ biểu tổng hợp kết quả đầu ra, phân tích và chuẩn bị công bố kết quả điều tra.

Phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị liên quan trong việc xây dựng phương án, phiếu điều tra, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra; xây dựng yêu cầu và kiểm thử các phần mềm; tổ chức tập huấn; kiểm tra, giám sát; nghiệm thu, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu;...

c. Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng: Phối hợp với Bộ Xây dựng (Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản), Cục TTDL xây dựng bảng hỏi, phương án điều tra, giám sát, xử lý số liệu và tổng hợp kết quả liên quan đến nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

d. Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường: Phối hợp với Cục TTDL xây dựng bảng hỏi, phương án điều tra, giám sát, xử lý số liệu và tổng hợp kết quả liên quan đến nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

đ. Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê: Phối hợp với Cục TTDL xây dựng Phương án điều tra; tham gia giám sát điều tra tại địa bàn.

e. Vụ Kế hoạch tài chính: Chủ trì, phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị liên quan dự toán kinh phí điều tra; hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra theo quy định.

g. Văn phòng Tổng cục Thống kê: Phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị liên quan tổ chức hội nghị tập huấn cấp trung ương, hội nghị công bố kết quả điều tra, thực hiện phát hành báo cáo kết quả điều tra.

h. Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê: Chủ trì, tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra cuộc điều tra theo kế hoạch được phê duyệt.

i. Cục Thống kê

Chủ trì tổ chức, chỉ đạo toàn diện cuộc điều tra trên địa bàn tỉnh, thành phố từ khâu rà soát cập nhật đơn vị điều tra; tuyển chọn; tập huấn cho điều tra viên và GSV; thu thập thông tin; giám sát, kiểm tra; nghiệm thu phiếu điều tra.

Phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê thực hiện: Kiểm thử các loại phần mềm; hỗ trợ các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra cấp trung ương.

Đề tạo sự ủng hộ của các cấp, các ngành và người dân đối với cuộc điều tra, Cục Thống kê xây dựng kế hoạch tổ chức chỉ đạo chặt chẽ và thường xuyên, đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của cuộc điều tra, quyền và nghĩa vụ của đối tượng điều tra tại các địa bàn điều tra.

Lựa chọn phương pháp thu thập thông tin phù hợp với các trường hợp đặc thù.

X. KINH PHÍ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN VẬT CHẤT CHO ĐIỀU TRA

Kinh phí Điều tra DSGK 2024 do Ngân sách nhà nước bảo đảm cho các hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc

gia; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định về sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định có liên quan.

Vụ Kế hoạch tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra theo đúng quy định của văn bản hiện hành.

Trong phạm vi dự toán được giao, Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt cuộc Điều tra DSGK 2024 theo đúng nội dung của Phương án điều tra, văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê và các chế độ tài chính hiện hành.

Các điều kiện vật chất khác: Sử dụng cơ sở hạ tầng sẵn có của ngành thống kê./.

Phụ lục I

THIẾT KẾ VÀ CHỌN MẪU

Điều tra DSGK 2024 là cuộc điều tra chọn mẫu, mẫu được thiết kế đảm bảo mức độ đại diện đến cấp huyện đối với chỉ tiêu về quy mô dân số và cấp tỉnh đối với các chỉ tiêu còn lại.

I. CỖ MẪU DÀN CHỌN MẪU

Trong ĐT DSGK 2024, cỡ mẫu 20% địa bàn điều tra của cả nước (tương đương 39.340 địa bàn) được xác định là đủ để ước lượng quy mô dân số đại diện đến cấp huyện.

Dàn chọn mẫu sử dụng trong Điều tra DSGK 2024 là dàn mẫu tổng thể của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (TĐTDS 2019) sau khi đã loại các địa bàn đặc thù và được cập nhật đến tháng 10/2023.

Quy mô hộ được sử dụng cho việc phân bổ mẫu là quy mô hộ sau khi cập nhật.

II. PHÂN BỐ MẪU

1. Phân bổ mẫu cấp huyện

Mỗi huyện được xác định là một tầng chọn mẫu riêng. Phương pháp phân bổ mẫu tỷ lệ thuận với căn bậc hai của quy mô hộ (*square root allocation*) được lựa chọn để phân bổ địa bàn điều tra cho từng huyện. Phương pháp này khắc phục được những hạn chế của phương pháp phân bổ mẫu nghịch đảo và phương pháp phân bổ mẫu tỷ lệ thuận với quy mô. Với phương pháp này, những huyện lớn, có nhiều hộ, sẽ có tỷ lệ nhỏ hơn tỷ lệ mẫu chung của toàn quốc và những huyện nhỏ, có ít hộ, sẽ có tỷ lệ mẫu lớn hơn tỷ lệ chung của toàn quốc. Điều này sẽ giúp làm tăng tính đại diện mẫu cho tất cả các huyện đồng thời vẫn bảo đảm ý nghĩa tổng hợp cho cấp tỉnh và toàn quốc.

Quy mô địa bàn tối thiểu được xác định cho cấp huyện là 24 địa bàn. Sau khi thực hiện phân bổ theo phương pháp trên, những huyện có số địa bàn mẫu được phân bổ nhỏ hơn 24 sẽ được tăng lên thành 24. Những huyện nhỏ có tỷ lệ phân bổ mẫu lớn hơn 50% sẽ được điều chỉnh giảm xuống còn 50% nhưng vẫn phải bảo đảm số địa bàn tối thiểu là 24. Bốn huyện đảo nhỏ không bao gồm trong ĐT DSGK 2024 là: Bạch Long Vĩ (Tp. Hải Phòng), Côn Cỏ (tỉnh Quảng Trị), Hoàng Sa (Tp. Đà Nẵng) và Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa).

2. Phân bổ mẫu cấp tỉnh

Tương tự như cấp huyện, để đảm bảo tính đại diện đối với mẫu cấp tỉnh, phương pháp phân bổ mẫu tỷ lệ thuận với căn bậc hai của quy mô hộ cũng được sử dụng để phân bổ mẫu cho từng tỉnh. Cỡ mẫu 6,5% địa bàn điều tra của cả nước được xác định là đủ để đại diện cho các chỉ tiêu cấp tỉnh. Sau khi thực hiện phân bổ theo phương pháp trên, những tỉnh có số địa bàn mẫu được phân bổ ít hơn 120 sẽ được tăng lên thành 120.

III. CHỌN MẪU

Trên cơ sở dàn mẫu của TĐTDS 2019 và kết quả cập nhật danh sách địa bàn đến năm 2023 (sau khi đã loại các địa bàn đặc thù, địa bàn bị giải tỏa và cập nhật mã và tên đơn vị hành chính, thành thị/nông thôn). Công tác chọn địa bàn điều tra được thực hiện như sau:

1. Chọn địa bàn cấp huyện

Sau khi loại 4 huyện đảo nhỏ đã nêu trên, cả nước có 692 dàn mẫu cấp huyện. Thực hiện chọn mẫu cho 692 huyện theo các bước:

(i) sắp xếp thứ tự các địa bàn trong huyện theo mã thành thị, nông thôn, mã xã và mã địa bàn (đã được rà soát và cập nhật mới);

(ii) Thực hiện chọn mẫu theo phương pháp xác suất tỷ lệ thuận với quy mô hộ (*Probability Proportional to Size - PPS*).

Theo phương pháp chọn mẫu PPS, những địa bàn có số hộ lớn hơn sẽ có khả năng rơi vào mẫu cao hơn và ngược lại. So với phương pháp chọn mẫu hệ thống thông thường (chọn mẫu theo khoảng cách), phương pháp này góp phần làm giảm sai số mẫu khi suy rộng.

2. Chọn địa bàn cấp tỉnh

ĐT DSGK 2024 sử dụng 2 loại phiếu: phiếu ngắn và phiếu dài. Phiếu ngắn là một phần của phiếu dài. Các chỉ tiêu có chung ở phiếu ngắn và phiếu dài sẽ được tổng hợp chung để tính toán suy rộng quy mô dân số cho cấp huyện. Vì vậy, mẫu điều tra phiếu ngắn sẽ chứa đựng mẫu điều tra phiếu dài, hay nói cách khác, mẫu điều tra phiếu dài sẽ là mẫu con của phiếu ngắn.

Sau khi hoàn thành công việc chọn mẫu cho từng huyện theo phương pháp PPS, mẫu phiếu ngắn của mỗi huyện được hòa chung vào thành dàn mẫu của tỉnh. 63 tỉnh là 63 dàn mẫu được sắp xếp lại theo thứ tự: thành thị/nông thôn (mới); mã huyện mới; mã xã mới và mã địa bàn. Chọn mẫu cấp tỉnh cũng sử dụng phương pháp chọn mẫu PPS (xác suất chọn mẫu tỷ lệ thuận với quy mô) để chọn mẫu các địa bàn phiếu dài.

3. Chọn hộ điều tra

Trong mỗi ĐBDT đã được chọn, tiến hành điều tra 30 hộ trong để thực hiện thu thập thông tin. Việc không điều tra toàn bộ số hộ trong một địa bàn một mặt giúp tiết kiệm kinh phí và nguồn lực, mặt khác góp phần làm giảm tác động của thiết kế mẫu (*design effect*) từ đó sẽ làm giảm sai số chọn mẫu.

Công tác chọn hộ do Cục Thống kê thực hiện trên chương trình phần mềm theo phương pháp chọn mẫu hệ thống sau khi hoàn thành công tác cập nhật bảng kê hộ trong các địa bàn điều tra.

PHỤ LỤC II

Phiếu 01/DSGK-BK

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

PHIẾU BẢNG KÊ

Thông tin thu thập tại cuộc điều tra này được thực hiện theo
Quyết định số /QĐ-TCTK ngày tháng năm 2023 của Tổng cục trưởng
Tổng cục Thống kê; được sử dụng và bảo mật theo quy định của Luật Thống kê

ĐỊNH DANH

TỈNH/THÀNH PHỐ: _____

--	--

HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH: _____

--	--

XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN: _____

--	--	--	--

ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA: _____

--	--

THÀNH THỊ/NÔNG THÔN (THÀNH THỊ = 1; NÔNG THÔN = 2): _____

--

STT NHÀ: _____

--	--

HỌ SỐ: _____

--	--

HỌ VÀ TÊN CHỦ HỘ: _____

ĐỊA CHỈ CỦA HỘ: _____

KẾT QUẢ

	TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019	ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ NĂM 2024				
SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ:	<table><tr><td></td><td></td></tr></table>			<table><tr><td></td><td></td></tr></table>		
SỐ NỮ:	<table><tr><td></td><td></td></tr></table>			<table><tr><td></td><td></td></tr></table>		

XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

Q1. Xin ông/bà cho biết họ và tên những người vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ **được 6 tháng trở lên bao gồm cả những người nước ngoài** tính đến thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2024 không phân biệt có hay không có hộ khẩu thường trú tại hộ (không bao gồm người của hộ là sinh viên đang đi học xa nhà hoặc học sinh phổ thông đang học tại các trường nội trú)?

GHI RÕ HỌ VÀ TÊN CỦA TỪNG NGƯỜI

1. _____ 2. _____ 3. _____ 4. _____ 5. _____ 6. _____ 7. _____ 8. _____ 9. _____ 10. _____ 11. _____ 12. _____	13. _____ 14. _____ 15. _____ 16. _____ 17. _____ 18. _____ 19. _____ 20. _____ 21. _____ 22. _____ 23. _____ 24. _____								
Q2. Trong hộ ông/bà, có ai mới chuyển đến hộ (bao gồm cả trẻ em mới sinh) chưa được 6 tháng tính đến thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2024 nhưng xác định sẽ ăn ở lâu dài tại hộ (ví dụ: con dâu mới về nhà chồng...)?	CÓ 1 ☐ → HỒI HỌ VÀ TÊN ĐỂ GHI VÀO CÂU Q1, SAU ĐÓ CHUYỂN CÂU Q3 KHÔNG 2 ☐								
Q3. Trong tất cả những người đã kể tên có ai là: (NHỮNG NGƯỜI CÓ TRONG CÂU Q1) a. Học sinh phổ thông đến trọ học/ở nhờ? b. Người đến hộ dưới 1 năm vì các mục đích: đến chơi/thăm; nghỉ hè, nghỉ lễ; chữa bệnh; công tác; đào tạo ngắn hạn...? c. Bộ đội, công an ăn, ở tập trung trong doanh trại/đơn vị?	<table style="width: 100%;"> <tr> <th style="text-align: left; width: 50%;">CÓ</th> <th style="text-align: left; width: 50%;">KHÔNG</th> </tr> <tr> <td>1 ☐</td> <td>2 ☐</td> </tr> <tr> <td>1 ☐</td> <td>2 ☐</td> </tr> <tr> <td>1 ☐</td> <td>2 ☐</td> </tr> </table> (NẾU CÓ HỒI HỌ VÀ TÊN VÀ TÍCH CHỌN NHỮNG NGƯỜI Ở CÂU Q1)	CÓ	KHÔNG	1 ☐	2 ☐	1 ☐	2 ☐	1 ☐	2 ☐
CÓ	KHÔNG								
1 ☐	2 ☐								
1 ☐	2 ☐								
1 ☐	2 ☐								

XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

Q4a. Trong hộ ông/bà, có ai lâu nay vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ nhưng tại thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2024 tạm vắng vì các lý do sau đây không? a. Đi làm ăn xa dưới 6 tháng và không có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động? b. Điều trị nội trú tại cơ sở y tế? c. Người rời hộ dưới 1 năm vì các mục đích: đi chơi/thăm người thân, bạn bè; nghỉ hè, nghỉ lễ, du lịch; chữa bệnh; công tác; đào tạo ngắn hạn...? d. Học sinh phổ thông đi trọ học/ở nhờ; người đi buôn chuyến; đi tàu viễn dương; đánh bắt hải sản? e. Đi nước ngoài trong thời hạn cho phép? f. Bị công an, quân đội tạm giữ?	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <th style="width: 50%; text-align: center;">CÓ</th> <th style="width: 50%; text-align: center;">KHÔNG</th> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1 ☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1 ☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1 ☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1 ☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1 ☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1 ☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> </table> (NẾU Q4a.a ĐẾN Q4a.f TẤT CẢ CHỌN MÀ 2 → HỎI CÂU Q5a)	CÓ	KHÔNG	1 ☐	2 ☐	1 ☐	2 ☐	1 ☐	2 ☐	1 ☐	2 ☐	1 ☐	2 ☐	1 ☐	2 ☐
CÓ	KHÔNG														
1 ☐	2 ☐														
1 ☐	2 ☐														
1 ☐	2 ☐														
1 ☐	2 ☐														
1 ☐	2 ☐														
1 ☐	2 ☐														

Q4b. Xin cho biết họ và tên những người này?
(GHI RÕ HỌ VÀ TÊN CỦA TỪNG NGƯỜI)

1. _____	2. _____
3. _____	4. _____

Q5a. Có ai vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ nhưng đã chết sau thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2024 và chưa được kể tên ở trên không?	CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ → Q6
---	---

Q5b. Xin cho biết họ và tên những người này?
(GHI RÕ HỌ VÀ TÊN CỦA TỪNG NGƯỜI)

1. _____	3. _____
2. _____	4. _____

Q6. Những người là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ và giới tính là:

LIỆT KÊ DANH SÁCH NKTTTT TẠI HỘ (NHỮNG NGƯỜI CÒN LẠI Ở CÂU Q1 VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ TÊN TRONG CÂU Q4b và CÂU Q5b):

	Giới tính
1. _____	1. Nam ☐ 2. Nữ ☐
2. _____	1. Nam ☐ 2. Nữ ☐
3. _____	1. Nam ☐ 2. Nữ ☐

Q7. Xin ông/bà cho biết ai là chủ hộ? (GHI RÕ HỌ VÀ TÊN)
LIỆT KÊ DANH SÁCH NKTTTT TẠI HỘ ĐỂ CHỌN CHỦ HỘ

Q8. Xin ông/bà cho biết ai là người nước ngoài?
LIỆT KÊ DANH SÁCH NKTTTT TẠI HỘ ĐỂ CHỌN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

HỌ VÀ TÊN NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN: _____

SỐ ĐIỆN THOẠI NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN: _____

***Tổng cục Thống kê trân trọng cảm ơn ông/bà đã cung cấp thông tin.
Thông tin do ông/bà cung cấp chỉ được sử dụng cho mục đích thống kê
và được bảo mật theo quy định của Luật Thống kê.***

PHỤ LỤC II

Phiếu 02/DSGK-PN

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỔNG CỤC THỐNG KÊ

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ THỜI ĐIỂM 01/4/2024 (Phiếu ngắn)

Thông tin thu thập tại cuộc điều tra này được thực hiện theo
Quyết định số /QĐ-TCTK ngày tháng năm 2023 của Tổng cục trưởng
Tổng cục Thống kê; được sử dụng và bảo mật theo quy định của Luật Thống kê

TỈNH/THÀNH PHỐ: _____

--

HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH: _____

--	--	--

XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN: _____

--	--	--	--	--

ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA: _____

--	--

THÀNH THỊ/NÔNG THÔN (THÀNH THỊ = 1; NÔNG THÔN = 2): _____

--

HỌ SỞ: _____

--	--

HỌ VÀ TÊN CHỦ HỌ: _____

ĐỊA CHỈ CỦA HỌ: _____

XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

Q1. Xin ông/bà cho biết hộ và tên những người vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ **được 6 tháng trở lên bao gồm cả những người nước ngoài** tính đến thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2024 không phân biệt có hay không có hộ khẩu thường trú tại hộ (không bao gồm người của hộ là sinh viên đang đi học xa nhà hoặc học sinh phổ thông đang học tại các trường nội trú)?

GHI RÕ HỌ VÀ TÊN CỦA TỪNG NGƯỜI

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____
10. _____
11. _____
12. _____

13. _____
14. _____
15. _____
16. _____
17. _____
18. _____
19. _____
20. _____
21. _____
22. _____
23. _____
24. _____

Q2. Trong hộ ông/bà, có ai mới chuyển đến hộ (bao gồm cả trẻ em mới sinh) **chưa được 6 tháng** tính đến thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2024 nhưng xác định sẽ ăn ở lâu dài tại hộ (ví dụ: con dâu mới về nhà chồng...)?

CÓ 1 ☐ → HỎI HỌ VÀ TÊN ĐỂ GHI VÀO CÂU Q1, SAU ĐÓ CHUYỂN CÂU Q3

KHÔNG 2 ☐

Q3. Trong tất cả những người đã kể tên có ai là:
(NHỮNG NGƯỜI CÓ TRONG CÂU Q1)

a. Học sinh phổ thông đến trọ học/ở nhờ?

CÓ KHÔNG
1 ☐ 2 ☐

b. Người đến hộ dưới 1 năm vì các mục đích: đến chơi/thăm; nghỉ hè, nghỉ lễ; chữa bệnh; công tác; đào tạo ngắn hạn...?

1 ☐ 2 ☐

c. Bộ đội, công an ăn, ở tập trung trong doanh trại/đơn vị?

1 ☐ 2 ☐

(NẾU CÓ HỎI HỌ VÀ TÊN VÀ TÍCH CHỌN NHỮNG NGƯỜI Ở CÂU Q1)

XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

Q4a. Trong hộ ông/bà, có ai lâu nay vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ nhưng tại thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2024 tạm vắng vì các lý do sau đây không? a. Đi làm ăn xa dưới 6 tháng và không có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động? b. Điều trị nội trú tại cơ sở y tế? c. Người rời hộ dưới 1 năm vì các mục đích: đi chơi/thăm người thân, bạn bè; nghỉ hè, nghỉ lễ, du lịch; chữa bệnh; công tác; đào tạo ngắn hạn...? d. Học sinh phổ thông đi trọ học/ở nhờ; người đi buôn chuyến; đi tàu viễn dương; đánh bắt hải sản? e. Đi nước ngoài trong thời hạn cho phép? f. Bị công an, quân đội tạm giữ?	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 50%; text-align: center;">CÓ</th> <th style="width: 50%; text-align: center;">KHÔNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1 ☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1 ☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1 ☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1 ☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1 ☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1 ☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> </tbody> </table> (NẾU Q4a.a ĐẾN Q4a.f TẤT CẢ CHỌN MÃ 2 → HỎI CÂU Q5a)	CÓ	KHÔNG	1 ☐	2 ☐	1 ☐	2 ☐	1 ☐	2 ☐	1 ☐	2 ☐	1 ☐	2 ☐	1 ☐	2 ☐
CÓ	KHÔNG														
1 ☐	2 ☐														
1 ☐	2 ☐														
1 ☐	2 ☐														
1 ☐	2 ☐														
1 ☐	2 ☐														
1 ☐	2 ☐														

Q4b. Xin cho biết họ và tên những người này?
(GHI RÕ HỌ VÀ TÊN CỦA TỪNG NGƯỜI)

1. _____	2. _____
3. _____	4. _____

Q5a. Có ai vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ nhưng đã chết sau thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2024 và chưa được kể tên ở trên không?

CÓ.....1 ☐	KHÔNG.....2 ☐ → Q6
-----------------------------------	---

Q5b. Xin cho biết họ và tên những người này?
(GHI RÕ HỌ VÀ TÊN CỦA TỪNG NGƯỜI)

1. _____	3. _____
2. _____	4. _____

Q6. Những người là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ là:
LIỆT KÊ DANH SÁCH NKT TTTT TẠI HỘ (NHỮNG NGƯỜI CÒN LẠI Ở CÂU Q1 VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ TÊN TRONG CÂU Q4b và CÂU Q5b):

1. _____	4. _____
2. _____	5. _____
3. _____	6. _____

Q7. Xin ông/bà cho biết ai là chủ hộ?
LIỆT KÊ DANH SÁCH NKT TTTT TẠI HỘ ĐỂ CHỌN CHỦ HỘ

PHẦN 1: THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘ

CÂU HỎI	SỐ THỨ TỰ	
1. HỌ VÀ TÊN NHỮNG NGƯỜI LÀ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ, BẮT ĐẦU TỪ CHỦ HỘ?		
2. [TÊN] có quan hệ thế nào với chủ hộ?		CHỦ HỘ 1 ☐ VỢ/CHỒNG 2 ☐ CON ĐỂ 3 ☐ BỐ/MẸ 4 ☐ QUAN HỆ GIA ĐÌNH KHÁC 5 ☐ KHÔNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH 6 ☐
3. [TÊN] là nam hay nữ?		NAM 1 ☐ NỮ 2 ☐
4. [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?		THÁNG NĂM CÂU 6 ← KHÔNG XĐ NĂM 9998 ☐
5. Hiện nay, [TÊN] bao nhiêu tuổi tròn theo dương lịch?		TUỔI
6. [TÊN] thuộc dân tộc nào?		KINH 1 ☐ DÂN TỘC KHÁC 2 ☐ TÊN DÂN TỘC
7. [TÊN] có theo đạo, tôn giáo nào không? NẾU CÓ: Đó là đạo, tôn giáo gì?		CÓ 1 ☐ TÊN TÔN GIÁO KHÔNG 2 ☐
8. Quốc tịch của [TÊN] là Việt Nam hay nước ngoài?		VIỆT NAM 1 ☐ NƯỚC NGOÀI 2 ☐ TÊN VÀ MÃ NƯỚC ←
9. Nơi sinh của [TÊN] ở Việt Nam hay nước ngoài?		VIỆT NAM 1 ☐ NƯỚC NGOÀI 2 ☐ TÊN VÀ MÃ NƯỚC ←
KT1. KIỂM TRA CÂU 4 HOẶC CÂU 5: HỎI CHO NHỮNG NGƯỜI TỪ 5 TUỔI TRỞ LÊN (SINH TRƯỚC THÁNG 4 NĂM 2019) → CÂU 13; KHÁC HỎI PHẦN 3		

CÂU HỎI	SỐ THỨ TỰ
13. Cách đây 5 năm (vào ngày 01/4/2019), [TÊN] thực tế thường trú ở đâu?	CÙNG XÃ/PHƯỜNG 1 ☐ PHẦN 3 ← Ở NƯỚC NGOÀI 2 ☐ TÊN VÀ MÃ NƯỚC PHẦN 3 ← NƠI KHÁC 3 ☐ TỈNH/THÀNH PHỐ HUYỆN/QUẬN
14. Nơi thực tế thường trú cách đây 5 năm nói trên của [TÊN] là phường/thị trấn hay xã?	PHƯỜNG/THỊ TRẤN 1 ☐ XÃ 2 ☐

PHẦN 3: THÔNG TIN VỀ CÁC SỰ KIỆN CHẾT CỦA HỘ TRONG 5 NĂM QUA

44. Trong 5 năm qua, từ ngày 01/4/2019 đến hết ngày 31/3/2024, trong hộ ông/bà có nhân khẩu thực tế thường trú nào đã chết không (kể cả cháu nhỏ)? Nếu có, số người đã chết trong 5 năm qua? Chia ra: a. Số người có mặt trước 0 giờ ngày 01/4/2019 nhưng đã chết? b. Số người có mặt sau 0 giờ ngày 01/4/2019 nhưng đã chết?	CÓ 1 ☐ SỐ NGƯỜI CHẾT ← KHÔNG 2 ☐ → PHẦN 4 SỐ NGƯỜI CHẾT SỐ NGƯỜI CHẾT
KT14. NẾU CÂU 44b > 0 → HỎI CÂU 45 VÀ CÂU 46. NẾU CÂU 44b = 0 → HỎI PHẦN 4: THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở.	
45. Tên và tuổi tròn của (từng) người có mặt sau 0 giờ ngày 01/4/2019 nhưng đã chết?	Thêm thành viên chết
46. Trước 0 giờ ngày 01/4/2019, [TÊN] thực tế thường trú ở đâu? CHỈ HỎI CHO NHỮNG NGƯỜI SINH TRƯỚC 0 GIỜ NGÀY 01/4/2019	HUYỆN/QUẬN TỈNH/THÀNH PHỐ
KT15. KIỂM TRA CÂU 45, NẾU CÒN THÀNH VIÊN CHẾT → CÂU 45; HẾT THÀNH VIÊN, HỎI PHẦN 4	

PHẦN 4: THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở

CÂU HỎI	CÂU TRẢ LỜI
47. HỘ CÓ NHÀ Ở HAY KHÔNG CÓ NHÀ Ở? (ĐTV QUAN SÁT VÀ TÍCH VÀO CÂU TRẢ LỜI PHÙ HỢP)	CÓ 1 ☐ KHÔNG 2 ☐ CÂU 57 ←
48. Hộ ông/bà có ở chung ngôi nhà/căn hộ với (các) hộ khác không?	CÓ 1 ☐ → SỐ NGƯỜI HỘ KHÁC SÔNG CHUNG KHÔNG 2 ☐ (KHÔNG TÍNH KHÁCH, TẠM TRÚ)

CÂU HỎI	CÂU TRẢ LỜI
49. Ngôi nhà/căn hộ mà hộ ông/bà đang ở là nhà chung cư hay nhà riêng lẻ?	NHÀ CHUNG CƯ..... 1 ☐ NHÀ RIÊNG LẺ..... 2 ☐
50. Ngôi nhà/căn hộ này có bao nhiêu phòng ngủ riêng biệt?	SỐ PHÒNG NGỦ.....
51. Tổng diện tích của ngôi nhà/căn hộ này là bao nhiêu mét vuông?	DIỆN TÍCH (m ²).....
52. Vật liệu chính làm cột (hoặc trụ, hoặc tường chịu lực) của ngôi nhà/căn hộ này là gì?	BÊ TÔNG CỐT THÉP..... 1 ☐ XÂY GẠCH/ĐÁ..... 2 ☐ GỖ/KIM LOẠI..... 3 ☐ ĐẤT VỎI/RƠM..... 4 ☐ PHIÊN/LIỆP/VÁN ÉP..... 5 ☐ KHÁC..... 6 ☐ (GHI CỤ THỂ)
53. Vật liệu chính làm mái của ngôi nhà/căn hộ này là gì?	BÊ TÔNG CỐT THÉP..... 1 ☐ NGÔI (XI MĂNG, ĐẤT NUNG)..... 2 ☐ TẤM LỢP (XI MĂNG, KIM LOẠI)..... 3 ☐ LÁ/RƠM RA/GIẤY DẦU..... 4 ☐ KHÁC..... 5 ☐ (GHI CỤ THỂ)
54. Vật liệu chính làm tường hoặc bao che của ngôi nhà/căn hộ này là gì?	BÊ TÔNG CỐT THÉP..... 1 ☐ XÂY GẠCH/ĐÁ..... 2 ☐ GỖ/KIM LOẠI..... 3 ☐ ĐẤT VỎI/RƠM..... 4 ☐ PHIÊN/LIỆP/VÁN ÉP..... 5 ☐ KHÁC..... 6 ☐ (GHI CỤ THỂ)
55. Ngôi nhà/căn hộ này được sử dụng từ năm nào?	TRƯỚC 1975..... 1 ☐ TỪ 1975 ĐẾN 1999..... 2 ☐ TỪ 2000 ĐẾN 2009..... 3 ☐ TỪ 2010 ĐẾN NAY..... 4 ☐ 20 ← KHÔNG XÁC ĐỊNH..... 5 ☐
56. Ngôi nhà/căn hộ mà hộ ông/bà đang ở thuộc quyền sở hữu của ai?	NHÀ RIÊNG CỦA HỘ..... 1 ☐ NHÀ THUÊ/MƯỢN CỦA NHÀ NƯỚC..... 2 ☐ NHÀ THUÊ/MƯỢN CỦA CÁ NHÂN/TƯ NHÂN..... 3 ☐ NHÀ CỦA TẬP THỂ..... 4 ☐ CÁC HÌNH THỨC SỞ HỮU KHÁC HOẶC CHƯA RÕ QUYỀN SỞ HỮU..... 5 ☐
57. Trong thời gian tới, hộ ông/bà có kế hoạch mua nhà/căn hộ không? NẾU CÓ: Hộ ông/bà có kế hoạch mua nhà/căn hộ ở tỉnh/thành phố nào?	CÓ..... 1 ☐ TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ ← KHÔNG..... 2 ☐

HỌ VÀ TÊN NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN:

SỐ ĐIỆN THOẠI NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN:

**Tổng cục Thống kê trân trọng cảm ơn ông/bà đã cung cấp thông tin.
Thông tin do ông/bà cung cấp chỉ được sử dụng cho mục đích thống kê
và được bảo mật theo quy định của Luật Thống kê.**

PHỤ LỤC II

Phiếu 03/DSGK-PD

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỔNG CỤC THỐNG KÊ

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ THỜI ĐIỂM 01/4/2024 (Phiếu dài)

Thông tin thu thập tại cuộc điều tra này được thực hiện theo
Quyết định số /QĐ-TCTK ngày tháng năm 2023 của Tổng cục trưởng
Tổng cục Thống kê; được sử dụng và bảo mật theo quy định của Luật Thống kê

ĐỊNH DANH

TỈNH/THÀNH PHỐ: _____

--	--

HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH: _____

--	--	--

XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN: _____

--	--	--	--	--

ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA: _____

--	--	--

THÀNH THỊ/NÔNG THÔN (THÀNH THỊ = 1; NÔNG THÔN = 2):

--

HỌ SỞ:

--	--

HỌ VÀ TÊN CHỦ HỘ: _____

ĐỊA CHỈ CỦA HỘ: _____

XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

Q1. Xin ông/bà cho biết họ và tên những người vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ được 6 tháng trở lên bao gồm cả những người nước ngoài tính đến thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2024 không phân biệt có hay không có hộ khẩu thường trú tại hộ (không bao gồm người của hộ là sinh viên đang đi học xa nhà hoặc học sinh phổ thông đang học tại các trường nội trú)?

GHI RÕ HỌ VÀ TÊN CỦA TỪNG NGƯỜI

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____
10. _____
11. _____
12. _____

13. _____
14. _____
15. _____
16. _____
17. _____
18. _____
19. _____
20. _____
21. _____
22. _____
23. _____
24. _____

Q2. Trong hộ ông/bà, có ai mới chuyển đến hộ (bao gồm cả trẻ em mới sinh) chưa được 6 tháng tính đến thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2024 nhưng xác định sẽ ăn ở lâu dài tại hộ (ví dụ: con dâu mới về nhà chồng...)?

CÓ 1 ☐ → HỎI HỌ VÀ TÊN ĐỂ GHI VÀO CÂU Q1, SAU ĐÓ CHUYỂN CÂU Q3.

KHÔNG 2 ☐

Q3. Trong tất cả những người đã kể tên có ai là: (NHỮNG NGƯỜI CÓ TRONG CÂU Q1)

- a. Học sinh phổ thông đến trọ học/ở nhờ?
- b. Người đến hộ dưới 1 năm vì các mục đích: đến chơi/thăm; nghỉ hè, nghỉ lễ; chữa bệnh; công tác; đào tạo ngắn hạn...?
- c. Bộ đội, công an ăn, ở tập trung trong doanh trại/đơn vị?

- | CÓ | | KHÔNG | |
|----|--------------------------|-------|--------------------------|
| 1 | ☐ | 2 | ☐ |
| 1 | ☐ | 2 | ☐ |
| 1 | ☐ | 2 | ☐ |

(NẾU CÓ HỎI HỌ VÀ TÊN VÀ TÍCH CHỌN NHỮNG NGƯỜI Ở CÂU Q1)

XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

Q4a. Trong hộ ông/bà, có ai lâu nay vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ nhưng tại thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2024 tạm vắng vì các lý do sau đây không? a. Đi làm ăn xa dưới 6 tháng và không có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động? b. Điều trị nội trú tại cơ sở y tế? c. Người rời hộ dưới 1 năm vì các mục đích: đi chơi/thăm người thân, bạn bè; nghỉ hè, nghỉ lễ, du lịch; chữa bệnh; công tác; đào tạo ngắn hạn...? d. Học sinh phổ thông đi trọ học/ở nhờ; người đi buôn chuyến; đi tàu viễn dương; đánh bắt hải sản? e. Đi nước ngoài trong thời hạn cho phép? f. Bị công an, quân đội tạm giữ?	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 50%; text-align: center;">CÓ</th> <th style="width: 50%; text-align: center;">KHÔNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1 ☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1 ☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1 ☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1 ☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1 ☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1 ☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> </tbody> </table> (NEU Q4a.a ĐẾN Q4a.f TẤT CẢ CHỌN MÃ 2 → HỎI CÂU Q5a)	CÓ	KHÔNG	1 ☐	2 ☐	1 ☐	2 ☐	1 ☐	2 ☐	1 ☐	2 ☐	1 ☐	2 ☐	1 ☐	2 ☐
CÓ	KHÔNG														
1 ☐	2 ☐														
1 ☐	2 ☐														
1 ☐	2 ☐														
1 ☐	2 ☐														
1 ☐	2 ☐														
1 ☐	2 ☐														
Q4b. Xin cho biết họ và tên những người này? (GHI RÕ HỌ VÀ TÊN CỦA TỪNG NGƯỜI) 1. _____ 2. _____ 3. _____ 4. _____															
Q5a. Có ai vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ nhưng đã chết sau thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2024 và chưa được kể tên ở trên không?	CÓ..... 1 ☐ KHÔNG..... 2 ☐ → Q6														
Q5b. Xin cho biết họ và tên những người này? (GHI RÕ HỌ VÀ TÊN CỦA TỪNG NGƯỜI) 1. _____ 3. _____ 2. _____ 4. _____															
Q6. Những người là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ là: LIỆT KÊ DANH SÁCH NKT TTTT TẠI HỘ (NHỮNG NGƯỜI CÒN LẠI Ở CÂU Q1 VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ TÊN TRONG CÂU Q4b và CÂU Q5b): 1. _____ 4. _____ 2. _____ 5. _____ 3. _____ 6. _____															
Q7. Xin ông/bà cho biết ai là chủ hộ? (GHI RÕ HỌ VÀ TÊN) LIỆT KÊ DANH SÁCH NKT TTTT TẠI HỘ ĐỂ CHỌN CHỦ HỘ _____															

PHẦN 1: THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘ

CÂU HỎI	SỐ THỨ TỰ
1. HỌ VÀ TÊN NHỮNG NGƯỜI LÀ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ, BẮT ĐẦU TỪ CHỦ HỘ?	
2. [TÊN] có quan hệ thế nào với chủ hộ?	CHỦ HỘ 1 ☐ VỢ/CHỒNG 2 ☐ CON ĐẸ 3 ☐ BỐ/MẸ 4 ☐ QUAN HỆ GIA ĐÌNH KHÁC 5 ☐ KHÔNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH 6 ☐
3. [TÊN] là nam hay nữ?	NAM 1 ☐ NỮ 2 ☐
4. [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?	THÁNG NĂM CÂU 6 ← KHÔNG XĐ NĂM 9998 ☐
5. Hiện nay, [TÊN] bao nhiêu tuổi tròn theo dương lịch?	TUỔI
6. [TÊN] thuộc dân tộc nào?	KINH 1 ☐ DÂN TỘC KHÁC 2 ☐ TÊN DÂN TỘC
7. [TÊN] có theo đạo, tôn giáo nào không? NẾU CÓ: Đó là đạo, tôn giáo gì?	CÓ 1 ☐ TÊN TÔN GIÁO KHÔNG 2 ☐
8. Quốc tịch của [TÊN] là Việt Nam hay nước ngoài?	VIỆT NAM 1 ☐ NƯỚC NGOÀI 2 ☐ TÊN VÀ MÃ NƯỚC ←
9. Nơi sinh của [TÊN] ở Việt Nam hay nước ngoài?	VIỆT NAM 1 ☐ NƯỚC NGOÀI 2 ☐ TÊN VÀ MÃ NƯỚC ←
KT1. KIỂM TRA CÂU 4 HOẶC CÂU 5: HỎI CHO NHỮNG NGƯỜI DƯỚI 5 TUỔI (SINH SAU THÁNG 3 NĂM 2019) → CÂU 10; KHÁC → KT2	
10. Hiện nay, [TÊN] đã được đăng ký khai sinh chưa?	ĐÃ ĐĂNG KÝ 1 ☐ CHƯA ĐĂNG KÝ 2 ☐
KT2. KIỂM TRA CÂU 4 HOẶC CÂU 5: HỎI CHO NHỮNG NGƯỜI TỪ 1 TUỔI TRỞ LÊN (SINH TRƯỚC THÁNG 4 NĂM 2023)	

11. Cách đây 1 năm (vào ngày 01/4/2023), [TÊN] thực tế thường trú ở đâu?	CÙNG XÃ/PHƯỜNG..... 1 ☐ KT3 ☐ Ở NƯỚC NGOÀI 2 ☐ _____ TÊN VÀ MÃ NƯỚC _____ NƠI KHÁC 3 ☐ _____ TỈNH/THÀNH PHỐ _____ HUYỆN/QUẬN
12. Nơi thực tế thường trú cách đây 1 năm nói trên của [TÊN] là phường/thị trấn hay xã?	PHƯỜNG/THỊ TRẤN 1 ☐ XÃ 2 ☐
KT3. KIỂM TRA CÂU 4 HOẶC CÂU 5: HỎI CHO NHỮNG NGƯỜI TỪ 5 TUỔI TRỞ LÊN (SINH TRƯỚC THÁNG 4 NĂM 2019)	
13. Cách đây 5 năm (vào ngày 01/4/2019), [TÊN] thực tế thường trú ở đâu?	CÙNG XÃ/PHƯỜNG..... 1 ☐ C16 ☐ Ở NƯỚC NGOÀI 2 ☐ _____ TÊN VÀ MÃ NƯỚC _____ NƠI KHÁC 3 ☐ _____ TỈNH/THÀNH PHỐ _____ HUYỆN/QUẬN
14. Nơi thực tế thường trú cách đây 5 năm nói trên của [TÊN] là phường/thị trấn hay xã?	PHƯỜNG/THỊ TRẤN 1 ☐ XÃ 2 ☐
15. Lý do chính mà [TÊN] chuyển đến nơi ở hiện tại là gì?	CHUYỂN NƯƠNG, RỖY 1 ☐ TÁI ĐỊNH CƯ/DI CƯ THEO CHƯƠNG TRÌNH 2 ☐ TÌM VIỆC/ BẮT ĐẦU CÔNG VIỆC MỚI..... 3 ☐ THEO GIA ĐÌNH/NGHĨ HỮU 4 ☐ KẾT HÔN 5 ☐ ĐI HỌC 6 ☐ KHÁC 7 ☐ (GHI CỤ THỂ)
16. Hiện nay [TÊN] đang đi học, đã thôi học hay chưa bao giờ đi học?	ĐANG ĐI HỌC 1 ☐ ĐÃ THÔI HỌC..... 2 ☐ C18 ☐ CHƯA BAO GIỜ ĐI HỌC 3 ☐ KT4 ☐

17. Trình độ giáo dục, đào tạo [TÊN] đang học là gì?	MẦM NON 1 ☐ KT4 ← TIỂU HỌC/THCS/THPT: 2 ☐ LỚP ĐANG HỌC: C20 ← SƠ CẤP/LÁI XE Ô TÔ 3 ☐ TRUNG CẤP 4 ☐ CAO ĐẲNG 5 ☐ ĐẠI HỌC 6 ☐ THẠC SĨ 7 ☐ TIẾN SĨ 8 ☐																					
18. Trình độ giáo dục phổ thông cao nhất [TÊN] đã tốt nghiệp/đạt được là gì?	DƯỚI TIỂU HỌC 1 ☐ TIỂU HỌC 2 ☐ TRUNG HỌC CƠ SỞ 3 ☐ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 4 ☐ C20 ←																					
19. Lớp học phổ thông cao nhất mà [TÊN] đã học xong? (GHI LỚP PHỔ THÔNG THEO HỆ 12 NĂM)	LỚP PHỔ THÔNG																					
20. [TÊN] đạt được các loại trình độ nào sau đây? ĐTV ĐỌC VÀ HỎI ĐẾT LẦN LƯỢT TỪNG TRÌNH ĐỘ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI KHÔNG CẦN HỎI CÁC TRÌNH ĐỘ TỪ CAO ĐẲNG TRỞ LÊN	<table border="0"> <thead> <tr> <th></th> <th>CÓ</th> <th>KHÔNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Sơ cấp/Giấy phép lái xe ô tô 1</td> <td>☐</td> <td>2 ☐</td> </tr> <tr> <td>Trung cấp 1</td> <td>☐</td> <td>2 ☐</td> </tr> <tr> <td>Cao đẳng 1</td> <td>☐</td> <td>2 ☐</td> </tr> <tr> <td>Đại học 1</td> <td>☐</td> <td>2 ☐</td> </tr> <tr> <td>Thạc sĩ 1</td> <td>☐</td> <td>2 ☐</td> </tr> <tr> <td>Tiến sĩ 1</td> <td>☐</td> <td>2 ☐</td> </tr> </tbody> </table>		CÓ	KHÔNG	Sơ cấp/Giấy phép lái xe ô tô 1	☐	2 ☐	Trung cấp 1	☐	2 ☐	Cao đẳng 1	☐	2 ☐	Đại học 1	☐	2 ☐	Thạc sĩ 1	☐	2 ☐	Tiến sĩ 1	☐	2 ☐
	CÓ	KHÔNG																				
Sơ cấp/Giấy phép lái xe ô tô 1	☐	2 ☐																				
Trung cấp 1	☐	2 ☐																				
Cao đẳng 1	☐	2 ☐																				
Đại học 1	☐	2 ☐																				
Thạc sĩ 1	☐	2 ☐																				
Tiến sĩ 1	☐	2 ☐																				
21. Tổng số năm đã học xong của tất cả các trình độ đào tạo từ sơ cấp trở lên của [TÊN]? NẾU CÓ	TỔNG SỐ NĂM HỌC																					
KT4. KIỂM TRA C16 = 3 HOẶC C17 = 1 HOẶC C17 = 2 CÓ LỚP ĐANG HỌC <= 5 HOẶC C18 = 1 → C22, KHÁC → KT5																						
22. Hiện nay, [TÊN] có biết đọc và biết viết không?	CÓ 1 ☐ KHÔNG 2 ☐																					
KT5. KIỂM TRA CẦU 4 HOẶC CẦU 5: TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN (SINH TRƯỚC THÁNG 4 NĂM 2009) → CẦU 23; KHÁC → KT6																						
23. Tình trạng hôn nhân hiện nay của [TÊN] là gì?	CHƯA VỢ/CHỒNG 1 ☐ KT6 ← CÓ VỢ/CHỒNG 2 ☐ GOÁ VỢ/CHỒNG 3 ☐ LY HÔN 4 ☐ LY THÂN 5 ☐																					

24. [TÊN] kết hôn lần đầu vào tháng, năm dương lịch nào?	THÁNG NĂM KHÔNG XĐ NĂM 9998 KT6																
25. Khi kết hôn lần đầu, [TÊN] bao nhiêu tuổi tròn theo dương lịch?	TUỔI TRÒN																
KT6. KIỂM TRA CÂU 4 HOẶC CÂU 5: TỪ 16-30 TUỔI (SINH TỪ THÁNG 4/1993 ĐẾN THÁNG 3/2008) → CÂU 26; KHÁC → KT7																	
26. Trong 12 tháng qua, anh/chị có tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật; thể dục, thể thao; hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở nơi học tập, làm việc và cư trú không? (TRƯỜNG HỢP THÀNH VIÊN KHÔNG ĐI HỌC, NƠI HỌC TẬP CHỌN MÃ 3. KHÔNG ÁP DỤNG; TRƯỜNG HỢP THÀNH VIÊN KHÔNG ĐI LÀM, NƠI LÀM VIỆC CHỌN MÃ 3. KHÔNG ÁP DỤNG)	<table border="0"> <tr> <td></td> <td>CÓ</td> <td>KHÔNG</td> <td>KHÔNG ÁP DỤNG</td> </tr> <tr> <td>Nơi học tập....</td> <td>1 ☐</td> <td>2 ☐</td> <td>3 ☐</td> </tr> <tr> <td>Nơi làm việc..</td> <td>1 ☐</td> <td>2 ☐</td> <td>3 ☐</td> </tr> <tr> <td>Nơi cư trú</td> <td>1 ☐</td> <td>2 ☐</td> <td>3 ☐</td> </tr> </table>		CÓ	KHÔNG	KHÔNG ÁP DỤNG	Nơi học tập....	1 ☐	2 ☐	3 ☐	Nơi làm việc..	1 ☐	2 ☐	3 ☐	Nơi cư trú	1 ☐	2 ☐	3 ☐
	CÓ	KHÔNG	KHÔNG ÁP DỤNG														
Nơi học tập....	1 ☐	2 ☐	3 ☐														
Nơi làm việc..	1 ☐	2 ☐	3 ☐														
Nơi cư trú	1 ☐	2 ☐	3 ☐														
KT7. KIỂM TRA CÂU 3 (MÃ 2), CÂU 4 (SINH TỪ THÁNG 4/1974 ĐẾN THÁNG 3/2014) VÀ CÂU 5 ĐỂ XÁC ĐỊNH PHỤ NỮ TỪ 10-49 TUỔI → CÂU 27; KHÁC → KT11																	
27. [TÊN] đã sinh con bao giờ chưa? (ĐÃ SINH CON: CHỈ TÍNH TRƯỜNG HỢP CON SINH RA CÓ SỰ SỐNG)	ĐÃ SINH CON..... 1 ☐ CHƯA SINH CON 2 ☐ KT11																
28. Số con trai và số con gái do chị sinh ra đang sống cùng hộ với chị?	SỐ CON TRAI..... SỐ CON GÁI.....																
29. Số con trai và số con gái do chị sinh ra đang sống ở nơi khác?	SỐ CON TRAI..... SỐ CON GÁI.....																
30. Có người con nào do chị sinh ra sống nhưng đã chết không? NẾU CÓ: Số con trai, số con gái đã chết?	SỐ CON TRAI..... SỐ CON GÁI.....																
31. Tổng số con trai và tổng số con gái do chị sinh ra?	TỔNG SỐ CON TRAI..... TỔNG SỐ CON GÁI.....																
KT8. KIỂM TRA CÂU 31 = CÂU 28 + CÂU 29 + CÂU 30, NẾU SAI, KIỂM TRA LẠI THÔNG TIN CÂU 28, CÂU 29 VÀ CÂU 30																	
32. Tháng, năm dương lịch của lần sinh gần nhất?	THÁNG NĂM																
33. Số con trai, con gái của lần sinh gần nhất? (LƯU Ý: HỎI SỐ CON CỦA LẦN SINH GẦN NHẤT Ở CÂU 32)	SỐ CON TRAI..... SỐ CON GÁI.....																
KT9. KIỂM TRA CÂU 32: NẾU THÁNG, NĂM CỦA LẦN SINH GẦN NHẤT TỪ THÁNG 4/2023 ĐẾN THÁNG 3/2024 → CÂU 34 KHÁC → KT10																	
34. Số con trai, số con gái do chị sinh ra từ tháng 4/2023 đến tháng 3/2024?	SỐ CON TRAI..... SỐ CON GÁI.....																
KT10. KIỂM TRA CÂU 32: NẾU THÁNG, NĂM CỦA LẦN SINH GẦN NHẤT TỪ THÁNG 4/2022 ĐẾN THÁNG 3/2024 → CÂU 35; KHÁC → KT11																	
35. Ai đỡ đẻ cho chị trong lần sinh con gần nhất?	CÁN BỘ Y TẾ 1 ☐ Y TẾ THÔN BẢN/ CÓ ĐỒ THÓN/BÁN 2 ☐ KHÁC 3 ☐ (GHI CỤ THỂ) KHÔNG CÓ AI 4 ☐																
KT11. KIỂM TRA NẾU CÒN THÀNH VIÊN, HỎI CÂU 1; HẾT THÀNH VIÊN, HỎI PHẦN 2																	

PHẦN 2: THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CHẾT CỦA HỘ

36. Từ ngày 22/01/2023 (tức ngày 01 Tết Âm lịch Quý Mão năm 2023) đến hết ngày 31/03/2024, trong hộ ông/bà có nhân khẩu thực tế thường trú nào đã chết không (kể cả cháu nhỏ)?	CÓ 1 ☐ KHÔNG 2 ☐ → KT13
SỐ THỨ TỰ CÂU HỎI	
37. Xin ông/bà cho biết họ và tên của (từng) người chết?	Thêm thành viên chết
38. [TÊN] là nam hay nữ?	NAM 1 ☐ NỮ 2 ☐
39. [TÊN] chết vào tháng, năm dương lịch nào?	THÁNG NĂM 20
40. [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?	THÁNG NĂM CÂU 42 ← KHÔNG XĐ NĂM 9998 ☐
41. Khi chết, [TÊN] được bao nhiêu tuổi theo dương lịch?	TUỔI TRÒN
42. [TÊN] chết vì nguyên nhân gì?	BỆNH TẬT 1 ☐ CHẾT GIÀ 2 ☐ DO COVID-19 3 ☐ TAI NẠN LAO ĐỘNG 4 ☐ TAI NẠN GIAO THÔNG 5 ☐ TAI NẠN KHÁC 6 ☐ TỰ TỬ 7 ☐ KHÁC 8 ☐ (GHI CỤ THỂ)
KT12. KIỂM TRA CÂU 38 (CÓ MÃ "2"); CÂU 39 VÀ CÂU 40 HOẶC CÂU 41 (NHỮNG NGƯỜI CÓ TUỔI CHẾT TỪ 10-54); CÂU 42 (CÓ MÃ "1" HOẶC MÃ "8") → CÂU 43; KHÁC HỎI KT13	
43. [TÊN] chết trong trường hợp nào?	KHI ĐANG MANG THAI 1 ☐ KHI SINH CON 2 ☐ TRONG VÒNG 42 NGÀY SAU KHI SINH 3 ☐ TRONG VÒNG 42 NGÀY SAU SẤY/NAO/ HÚT THAI, THAI LƯU/THAI HỎNG 4 ☐ KHÁC 5 ☐ (GHI CỤ THỂ)
KT13. KIỂM TRA NẾU CÒN THÀNH VIÊN CHẾT → CÂU 36; HẾT THÀNH VIÊN, HỎI PHẦN 3	

PHẦN 3: THÔNG TIN VỀ CÁC SỰ KIỆN CHẾT CỦA HỘ TRONG 5 NĂM QUA

44. Trong 5 năm qua, từ ngày 01/4/2019 đến hết ngày 31/3/2024, trong hộ ông/bà có nhân khẩu thực tế thường trú nào đã chết không (kể cả cháu nhỏ)? Nếu có, số người đã chết trong 5 năm qua? Chia ra: a. Số người có mặt trước 0 giờ ngày 01/4/2019 nhưng đã chết? b. Số người có mặt sau 0 giờ ngày 01/4/2019 nhưng đã chết?	CÓ 1 ☐ SỐ NGƯỜI CHẾT KHÔNG 2 ☐ → KT15 SỐ NGƯỜI CHẾT..... SỐ NGƯỜI CHẾT.....
KT14. NẾU CÂU 44b > 0, HỎI CÂU 45 VÀ CÂU 46. NẾU CÂU 44b = 0, HỎI KT15	
45. Tên và tuổi tròn của (từng) người có mặt sau 0 giờ ngày 01/4/2019 nhưng đã chết?	Thêm thành viên chết
46. Trước 0 giờ ngày 01/4/2019, [TÊN] thực tế thường trú ở đâu? CHỈ HỎI CHO NHỮNG NGƯỜI SINH TRƯỚC 0 GIỜ NGÀY 01/4/2019	HUYỆN/QUẬN TỈNH/THÀNH PHỐ
KT15. KIỂM TRA CÂU NẾU CÒN THÀNH VIÊN CHẾT → CÂU 45; HẾT THÀNH VIÊN, HỎI PHẦN 4	

PHẦN 4: THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở

CÂU HỎI	CÂU TRẢ LỜI
47. HỘ CÓ NHÀ Ở HAY KHÔNG CÓ NHÀ Ở? (ĐTV QUAN SÁT VÀ TÍCH VÀO CÂU TRẢ LỜI PHÙ HỢP)	CÓ 1 ☐ KHÔNG 2 ☐ CÂU 57 ←
48. Hộ ông/bà có ở chung ngôi nhà/căn hộ với (các) hộ khác không?	CÓ 1 ☐ → SỐ NGƯỜI HỘ KHÁC SỐNG CHUNG (KHÔNG TÍNH KHÁCH, TẠM TRÚ) KHÔNG 2 ☐
49. Ngôi nhà/căn hộ mà hộ ông/bà đang ở là nhà chung cư hay nhà riêng lẻ?	NHÀ CHUNG CƯ..... 1 ☐ NHÀ RIÊNG LẺ 2 ☐
50. Ngôi nhà/căn hộ này có bao nhiêu phòng ngủ riêng biệt?	SỐ PHÒNG NGỦ.....
51. Tổng diện tích của ngôi nhà/căn hộ này là bao nhiêu mét vuông?	DIỆN TÍCH (m²).....
52. Vật liệu chính làm cột (hoặc trụ, hoặc tường chịu lực) của ngôi nhà/căn hộ này là gì?	BÊ TÔNG CỐT THÉP 1 ☐ XÂY GẠCH/ĐÁ 2 ☐ SẮT/THÉP/GỖ BỀN CHẮC 3 ☐ GỖ TẠP/TRE 4 ☐ ĐẤT 5 ☐ KHÁC 6 ☐ (GHI CỤ THỂ)

CÂU HỎI	CÂU TRẢ LỜI
53. Vật liệu chính làm mái của ngôi nhà/căn hộ này là gì?	BÊ TÔNG CỐT THÉP 1 ☐ NGÓI (XI MĂNG, ĐẤT NUNG) 2 ☐ TẤM LỢP (XI MĂNG, KIM LOẠI) 3 ☐ LẤY/RƠM RA/GIẤY DẦU 4 ☐ KHÁC 5 ☐ (GHI CỤ THỂ)
54. Vật liệu chính làm tường hoặc bao che của ngôi nhà/căn hộ này là gì?	BÊ TÔNG CỐT THÉP 1 ☐ XÂY GẠCH/ĐÁ 2 ☐ GỖ/KIM LOẠI 3 ☐ ĐẤT VỎ/RƠM 4 ☐ PHIÊN/LIỆP/VĂN ÉP 5 ☐ KHÁC 6 ☐ (GHI CỤ THỂ)
55. Ngôi nhà/căn hộ này được sử dụng từ năm nào?	TRƯỚC 1975 1 ☐ TỪ 1975 ĐẾN 1999 2 ☐ TỪ 2000 ĐẾN 2009 3 ☐ TỪ 2010 ĐẾN NAY 4 ☐ 20 ← KHÔNG XÁC ĐỊNH 5 ☐
56. Ngôi nhà/căn hộ mà hộ ông/bà đang ở thuộc quyền sở hữu của ai?	NHÀ RIÊNG CỦA HỘ 1 ☐ NHÀ THUÊ/MƯỢN CỦA NHÀ NƯỚC 2 ☐ NHÀ THUÊ/MƯỢN CỦA CÁ NHÂN/TƯ NHÂN 3 ☐ NHÀ CỦA TẬP THỂ 4 ☐ CÁC HÌNH THỨC SỞ HỮU KHÁC HOẶC CHƯA RÕ QUYỀN SỞ HỮU 5 ☐
57. Trong thời gian tới, hộ ông/bà có kế hoạch mua nhà/căn hộ không? NẾU CÓ: Hộ ông/bà có kế hoạch mua nhà/căn hộ ở tỉnh/thành phố nào?	CÓ 1 ☐ TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ ← KHÔNG 2 ☐
58. Loại nhiên liệu (năng lượng) chính mà hộ ông/bà dùng để thắp sáng là gì?	ĐIỆN LƯỚI 1 ☐ ĐIỆN MÁY PHÁT 2 ☐ DẦU LỬA 3 ☐ KHÍ GA 4 ☐ KHÁC 5 ☐ (GHI CỤ THỂ)
59. Loại nhiên liệu (năng lượng) chính mà hộ ông/bà dùng để nấu ăn là gì?	ĐIỆN 1 ☐ GAS/BIOGA 2 ☐ THAN 3 ☐ CỎI 4 ☐ KHÁC 5 ☐ (GHI CỤ THỂ) KHÔNG DÙNG GÌ 6 ☐

CÂU HỎI	CÂU TRẢ LỜI																																							
60. Nguồn nước ăn uống chính của hộ ông/bà là loại nào?	NƯỚC MÂY 1 ☐ NƯỚC MUA (XITEC, BÌNH...) 2 ☐ NƯỚC GIẾNG KHOAN 3 ☐ NƯỚC GIẾNG ĐÀO ĐƯỢC BẢO VỆ 4 ☐ NƯỚC GIẾNG ĐÀO KHÔNG ĐƯỢC BẢO VỆ 5 ☐ NƯỚC KHE/MỎ ĐƯỢC BẢO VỆ 6 ☐ NƯỚC KHE/MỎ KHÔNG ĐƯỢC BẢO VỆ 7 ☐ NƯỚC MƯA 8 ☐ NƯỚC KHÁC 9 ☐ (GHI CỤ THỂ)																																							
61. Hộ ông/bà sử dụng loại hố xí nào là chính?	HỐ XÍ TỰ HOẠI/BÁN TỰ HOẠI TRONG NHÀ 1 ☐ HỐ XÍ TỰ HOẠI/BÁN TỰ HOẠI NGOÀI NHÀ 2 ☐ HỐ XÍ KHÁC 3 ☐ KHÔNG CÓ HỐ XÍ 4 ☐																																							
62. Hiện nay, hộ ông/bà có các loại thiết bị phục vụ sinh hoạt sau đây không? (ĐỌC TÊN CÁC THIẾT BỊ Ở PHẦN TRẢ LỜI)	<table border="0"> <thead> <tr> <th></th> <th>CÓ</th> <th>KHÔNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tivi 1</td> <td>☐</td> <td>...2 ☐</td> </tr> <tr> <td>Đài (Radio/Radio Cassetts) 1</td> <td>☐</td> <td>...2 ☐</td> </tr> <tr> <td>Máy vi tính (máy bán, laptop) 1</td> <td>☐</td> <td>...2 ☐</td> </tr> <tr> <td>Điện thoại cố định 1</td> <td>☐</td> <td>...2 ☐</td> </tr> <tr> <td>Tủ lạnh 1</td> <td>☐</td> <td>...2 ☐</td> </tr> <tr> <td>Máy giặt 1</td> <td>☐</td> <td>...2 ☐</td> </tr> <tr> <td>Bình tắm nóng lạnh 1</td> <td>☐</td> <td>...2 ☐</td> </tr> <tr> <td>Điều hòa nhiệt độ 1</td> <td>☐</td> <td>...2 ☐</td> </tr> <tr> <td>Mô tô/xe gắn máy 1</td> <td>☐</td> <td>...2 ☐</td> </tr> <tr> <td>Xe đạp/Xe đạp điện/Xe máy điện 1</td> <td>☐</td> <td>...2 ☐</td> </tr> <tr> <td>Xuồng/ghe 1</td> <td>☐</td> <td>...2 ☐</td> </tr> <tr> <td>Ô tô 1</td> <td>☐</td> <td>...2 ☐</td> </tr> </tbody> </table>		CÓ	KHÔNG	Tivi 1	☐	...2 ☐	Đài (Radio/Radio Cassetts) 1	☐	...2 ☐	Máy vi tính (máy bán, laptop) 1	☐	...2 ☐	Điện thoại cố định 1	☐	...2 ☐	Tủ lạnh 1	☐	...2 ☐	Máy giặt 1	☐	...2 ☐	Bình tắm nóng lạnh 1	☐	...2 ☐	Điều hòa nhiệt độ 1	☐	...2 ☐	Mô tô/xe gắn máy 1	☐	...2 ☐	Xe đạp/Xe đạp điện/Xe máy điện 1	☐	...2 ☐	Xuồng/ghe 1	☐	...2 ☐	Ô tô 1	☐	...2 ☐
	CÓ	KHÔNG																																						
Tivi 1	☐	...2 ☐																																						
Đài (Radio/Radio Cassetts) 1	☐	...2 ☐																																						
Máy vi tính (máy bán, laptop) 1	☐	...2 ☐																																						
Điện thoại cố định 1	☐	...2 ☐																																						
Tủ lạnh 1	☐	...2 ☐																																						
Máy giặt 1	☐	...2 ☐																																						
Bình tắm nóng lạnh 1	☐	...2 ☐																																						
Điều hòa nhiệt độ 1	☐	...2 ☐																																						
Mô tô/xe gắn máy 1	☐	...2 ☐																																						
Xe đạp/Xe đạp điện/Xe máy điện 1	☐	...2 ☐																																						
Xuồng/ghe 1	☐	...2 ☐																																						
Ô tô 1	☐	...2 ☐																																						

HỌ VÀ TÊN NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN: _____

SỐ ĐIỆN THOẠI NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN: _____

**Tổng cục Thống kê trân trọng cảm ơn ông/bà đã cung cấp thông tin.
Thông tin do ông/bà cung cấp chỉ được sử dụng cho mục đích thống kê
và được bảo mật theo quy định của Luật Thống kê.**